TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN P** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 29/9/2020
V/v: "Tranh chấp về hôn nhân gia đình, nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN P, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Định

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lò Thị Dỉnh.

2. Ông Phạm Quang Đôn.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Thương Huyền - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên.

Ngày 29/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thanh phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên xét xử công khai vụ án thụ lý số: 93/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2020 về việc "Tranh chấp về hôn nhân gia đình, nuôi con khi ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị H, sinh năm 1999; địa chỉ: Đội 3, xã Noong L, huyện Điện B, tỉnh Điện Biên.

Hiện trú tại: Khu đô thị Lộc N, thị trấn Trúc S1, huyện Chương M, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Anh Vũ Văn S, sinh năm 1997; địa chỉ: Tổ dân phố X, phường Thanh B1, thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Bùi Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Vũ Văn S kết hôn vào ngày 23/02/2018 trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc; đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường Thanh B1, thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra

nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng trong quan điểm sống, từ đó dẫn tới tình cảm vợ chồng không có, cuộc sống không hạnh phúc. Chị và anh S đã sống ly thân mỗi người một nơi từ tháng 12/2018 cho tới nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Văn S.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị và anh Vũ Văn S có 01 con chung là cháu Vũ Đức H1, sinh ngày 05/11/2018; chị có nguyện vọng nuôi cháu H1 và yêu cầu anh S có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 đồng/01 tháng cho đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh S không có tài sản chung và cũng không có khoản nợ nào.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện gồm:

- Bản tự khai ngày 17/7/2020;
- Trích lục kết hôn số 04/TL-KH-BS ngày 09/01/2019;
- Giấy chứng minh nhân dân số 040496677 mang tên Bùi Thị H;
- Sổ hộ khẩu số 180146408 chủ hộ mang tên Trần Thị P1;
- Trích lục khai sinh số 04/TLKS-BS mang tên Vũ Đức H1;

Tại bản tự khai ngày 13/7/2020 và quá trình tố tụng, anh Vũ Văn S trình bày:

Về hôn nhân: Anh nhất trí với phần trình bày kết hôn ban đầu như chị H đã trình bày trên; sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống không được hạnh phúc, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, quan điểm sống bất đồng, nay chị H có yêu cầu xin ly hôn với anh, anh không đồng ý với yêu cầu của chị H.

Về con chung:

Anh chị có 01 con chung là cháu Vũ Đức H1, sinh ngày 05/11/2018; nếu ly hôn anh có nguyện vọng nuôi cháu H1 và yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 2.000.000 đồng/01 tháng.

Về tài sản chung: Anh chị không có.

Về nợ chung: Anh chị có khoản nợ chung là hơn 200.000.000 đồng; số tiền này anh vay bố mẹ, người thân trong gia đình anh để chữa bệnh, điều trị cho cháu H1 từ khi cháu mới sinh ra (Do cháu H1 từ khi sinh ra mắc bệnh hiểm nghèo), anh yêu cầu chị H cùng có trách nhiệm trả nợ cùng anh khoản nợ trên theo qui định của pháp luật.

Tài liệu, chứng cứ do bị đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu của mình gồm:

- Bản tự khai ngày 03/7/2020;
- Đơn xin thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận ly hôn ngày 22/6/2020 của anh Vũ Văn S;

- Tài liệu, chứng cứ chứng minh quá trình chữa bệnh, điều trị cháu Vũ Đức H1 theo biên bản giao nhận tài liệu, chứng cứ của Tòa án ngày 07/7/2020.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị Bùi Thị H không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác ngoài những tài liệu, chứng cứ đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, chị H yêu cầu:

Về hôn nhân: Chị cương quyết xin được ly hôn với anh Vũ Văn S;

Về con chung: Đồng ý giao con chung là cháu Vũ Đức H1 cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, chị có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/01 tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn anh Vũ Văn S không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác ngoài những tài liệu, chứng cứ đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử; anh S yêu cầu:

Về hôn nhân: Nếu chị H cương quyết ly hôn, anh nhất trí ly hôn với chị Bùi Thị H;

Về con chung: Anh có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Vũ Đức H1; anh yêu cầu chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 2.000.000 đồng/01 tháng.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không đề nghị tòa án giải quyết trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến trình bày của đương sự có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị Bùi Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Vũ Văn S, là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình, nuôi con khi ly hôn; anh có địa chỉ tại tổ dân phố X, phường Thanh B1, thành phố Điện Biên P nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên P theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung yêu cầu và trách nhiệm của các đương sự:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị H và anh Vũ Văn S tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh S là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Chị H và anh S cùng xác định, trong quá trình chung sống, do tính tình không hợp nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, to tiếng xúc phạm lẫn nhau, không quan tâm đến cuộc sống chung của nhau, không tạo điều kiện để cùng giúp đỡ, chia sẻ hạnh phúc gia đình. Từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, hai người đã ly thân từ

khi sinh con và không còn quan tâm, liên lạc với nhau từ đó cho đến nay nên chị H có yêu cầu ly hôn với anh Vũ Văn S.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống. Chị H và anh S không còn sống chung từ cuối năm 2018 cho tới nay, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Bên cạnh đó, Tòa án đã tiến hành hòa giải để anh chị đoàn tụ gia đình, cùng nuôi dạy con chung nhưng chị H và anh S vẫn cương quyết ly hôn nên có căn cứ xác định mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh S là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị H đối với anh Vũ Văn S theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

2.2. Về con chung: Chị H và anh S có 01 con chung là cháu Vũ Đức H1, sinh ngày 05/11/2018; chị H đồng ý để anh S chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H1 cho đến tuổi trưởng thành.

Xét thấy, cháu H1 được anh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục từ khi cháu mới sinh ra và cháu H1 đang phát triển ổn định. Nếu tiếp tục để anh S chăm sóc, nuôi dưỡng cháu thì sẽ phù hợp và thuận lợi hơn cho sự phát triển tâm lý của trẻ, đảm bảo lợi ích về mọi mặt đối với trẻ, giúp trẻ phát triển tốt về thể chất, tinh thần, trí tuệ, đạo đức để trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội. Để đảm bảo ổn định cuộc sống cho cháu H1, giúp cháu phát triển tốt cả về thể chất cũng như tinh thần, cần tiếp tục giao cháu Vũ Đức H1 cho anh S tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, chị H và anh S đều nhất trí mức cấp dưỡng nuôi con chung của người không trực tiếp nuôi con với số tiền là 2.000.000 đồng/01 tháng, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở và phù hợp với hoàn cảnh kinh tế của cả hai người theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận.

2.4. Về tài sản chung: Chị H và anh S xác định không có tài sản chung, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2.5. Nợ chung: Anh S xác định, anh chị có khoản nợ chung là 200.000.000 đồng, số tiền này anh vay bố mẹ, người thân trong gia đình anh để chữa bệnh, điều trị cho cháu H1; anh yêu cầu chị H có trách nhiệm trả nợ cùng anh theo qui định của pháp luật. Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên P đã ra Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí số 509/TB-TA ngày 08/9/2020, yêu cầu anh S nộp khoản tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật nhưng anh S không thực hiện nghĩa vụ nộp tiền dự phí nên Tòa án không tiến hành thụ lý yêu cầu nàytheo điểm d khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, anh S và chị H không yêu cầu giải quyết về các khoản nợ chung của vợ chồng trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải

quyết; anh S và chị H có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết khoản nợ chung của vợ chồng bằng vụ án khác, nếu anh chị có yêu cầu.

[3]. Về án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình và cấp dưỡng nuôi con chung theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14; anh Vũ Văn S không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

[4]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51, 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 144, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị H; chị Bùi Thị H được ly hôn với anh Vũ Văn S.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Vũ Đức H1, sinh ngày 05/11/2018 cho anh Vũ Văn S tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác; chị Bùi Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền là 2.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Thời điểm tính tiền cấp dưỡng nuôi con từ ngày 01/10/2020.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành như án đã tuyên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu 600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0000075 ngày 15/01/2020, chị H phải nộp tiếp số tiền 300.000 đồng; anh Vũ Văn S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 29/9/2020).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu càu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND thành phố Điện Biên P;
- Chi cục THADS thành phố Điện Biên P;
- UBND phường Thanh B1, thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Đ